

Thần - 370



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Grammar 1 - MH1105024

Mã lớp học phần: 24211MH110502401 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu

Ngày thi: 27/03/2025 Giờ thi: 09h30 Phòng thi: PM 4

Giám thị 1: Đào Thị Hồng Hạnh

Giám thị 2: Phạm Quang Sáng

Giám thị 3: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

Ký tên: _____

Ký tên: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410130014	Phạm Nguyễn Mỹ Duyên	14/01/2006					C26TA	
2	2410130011	Võ Nguyễn Minh Đạt	12/04/2006					C26TA	
3	2410130013	Trần Trung Hiếu	24/01/2006					C26TA	
4	2410130032	Huỳnh Gia Huy	21/02/2006					C26TA	
5	2410130030	Trần Tâm Hoàng Huy	15/12/2004					C26TA	
6	2410130033	Võ Khải Huy	22/07/2006					C26TA	
7	2410130025	Huỳnh Hương	19/03/2006					C26TA	
8	2410130021	Đặng Phụng Hỷ	03/07/2006					C26TA	
9	2410130017	Đoàn Đặng Ngọc Mỹ	02/06/2006					C26TA	
10	2410130034	Đặng Kim Ngọc	15/04/2006					C26TA	
11	2410130022	Tô Hồng Trí Nhân	22/07/2002					C26TA	
12	2410130018	Hồ Thị Kim Oanh	03/06/2005					C26TA	
13	2410130008	Trần Thiên Phú	08/10/2004					C26TA	
14	2410130009	Phan Văn Trọng Phúc	20/5/2004					C26TA	
15	2410130026	Nguyễn Ngọc Kim Phượng	26/08/2006					C26TA	
16	2410130004	Quách Kim Quỳnh	02/4/1999					C26TA	
17	2410130016	Lâm Quốc Thịnh	02/10/2006					C26TA	
18	2410130027	Võ Minh Thông	14/12/2002					C26TA	
19	2410130020	Hoàng Thị Thu	26/03/1996					C26TA	
20	2410130002	Trịnh Nam Thuận	08/3/2003					C26TA	
21	2410130028	Nguyễn Phương Thùy	06/01/2006					C26TA	
22	2410130006	Nguyễn Lê Minh Thư	08/08/2006					C26TA	
23	2410130001	Phạm Thu Thương	12/8/2005					C26TA	
24	2410130023	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	27/12/2006					C26TA	
25	2410130003	Phạm Thị Thùy Trang	27/10/1980					C26TA	
26	2410130035	Trần Thị Quế Trân	07/01/2006					C26TA	
27	2410130012	Đoàn Thị Cẩm Tú	04/12/2006					C26TA	
28	2410130019	Phạm Huỳnh Tấn Việt	04/09/2006					C26TA	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
29	2410130005	Tê Hoàng Như Ý	12/07/2006					C26TA	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

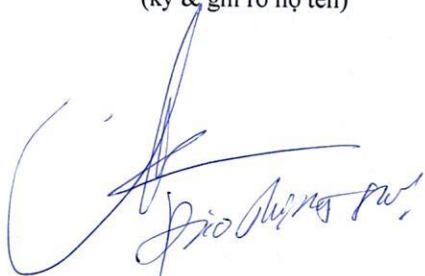
Tổng số sinh viên dự thi: 29 vắng thi: 0 Số bài thi/Số tờ: 29 / 1

Số sinh viên đạt: 27 Tỷ lệ đạt: 93 %

Ngày...9...tháng...4...năm...2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

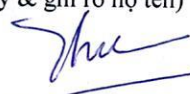
(ký & ghi rõ họ tên)



Ngày...5...tháng...4...năm...2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


 Trương Thị Ngọc Thu



BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 2 - Năm học 2024-2025

Môn học: Grammar 1

Mã bài thi: QW97ZG

Thời gian thi: 27/03/2025 09:30:00

Thời gian kết thúc: 27/03/2025 10:30:00

Giám thị 1: Đào Thị Nguyễn Ký tên: [Signature]
Giám thị 2: Đoàn Hằng Ký tên: [Signature]
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410130011	Võ Nguyễn Minh Đạt	12/04/2006	<u>[Signature]</u>	8.4	Tám, bốn	C26TA	
2	2410130014	Phạm Nguyễn Mỹ Duyên	14/01/2006	<u>[Signature]</u>	7.2	Bảy, hai	C26TA	
3	2410130013	Trần Trung Hiếu	24/01/2006	<u>[Signature]</u>	8.8	Tám, tám	C26TA	
4	2410130025	Huỳnh Hương	19/03/2006	<u>[Signature]</u>	4.8	Bốn, tám	C26TA	
5	2410130030	Trần Tâm Hoàng Huy	15/12/2004	<u>[Signature]</u>	4.2	Bốn, hai	C26TA	
6	2410130032	Huỳnh Gia Huy	21/02/2006	<u>[Signature]</u>	8.8	Tám, tám	C26TA	
7	2410130033	Võ Khải Huy	22/07/2006	<u>[Signature]</u>	9.6	Chín, sáu	C26TA	
8	2410130021	Đặng Phụng Hỷ	03/07/2006	<u>[Signature]</u>	6.4	Sáu, bốn	C26TA	
9	2410130017	Đoàn Đặng Ngọc Mỹ	02/06/2006	<u>[Signature]</u>	9	Chín	C26TA	
10	2410130034	Đặng Kim Ngọc	15/04/2006	<u>[Signature]</u>	8.4	Tám, bốn	C26TA	
11	2410130022	Tô Hồng Trí Nhân	22/07/2002	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C26TA	
12	2410130018	Hồ Thị Kim Oanh	03/06/2005	<u>[Signature]</u>	6.6	Sáu, sáu	C26TA	
13	2410130008	Trần Thiên Phú	08/10/2004	<u>[Signature]</u>	3	Ba	C26TA	
14	2410130009	Phan Văn Trọng Phúc	20/05/2004	<u>[Signature]</u>	7.4	Bảy, bốn	C26TA	
15	2410130026	Nguyễn Ngọc Kim Phượng	26/08/2006	<u>[Signature]</u>	3.8	Ba, tám	C26TA	
16	2410130004	Quách Kim Quỳnh	02/04/1999	<u>[Signature]</u>	6.8	Sáu, tám	C26TA	
17	2410130016	Lâm Quốc Thịnh	02/10/2006	<u>[Signature]</u>	7.8	Bảy, tám	C26TA	
18	2410130027	Võ Minh Thông	14/12/2002	<u>[Signature]</u>	6.8	Sáu, tám	C26TA	
19	2410130020	Hoàng Thị Thu	26/03/1996	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C26TA	
20	2410130006	Nguyễn Lê Minh Thư	08/08/2006	<u>[Signature]</u>	8.2	Tám, hai	C26TA	
21	2410130002	Trịnh Nam Thuận	08/03/2003	<u>[Signature]</u>	4.4	Bốn, bốn	C26TA	
22	2410130001	Phạm Thu Thương	12/08/2005	<u>[Signature]</u>	9	Chín	C26TA	
23	2410130028	Nguyễn Phương Thùy	06/01/2006	<u>[Signature]</u>	5	Năm	C26TA	
24	2410130023	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	27/12/2006	<u>[Signature]</u>	6.2	Sáu, hai	C26TA	
25	2410130035	Trần Thị Quê Trân	07/01/2006	<u>[Signature]</u>	8.4	Tám, bốn	C26TA	
26	2410130003	Phạm Thị Thuý Trang	27/10/1980	<u>[Signature]</u>	6.2	Sáu, hai	C26TA	
27	2410130012	Đoàn Thị Cẩm Tú	04/12/2006	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C26TA	
28	2410130019	Phạm Huỳnh Tấn Việt	04/09/2006	<u>[Signature]</u>	4.6	Bốn, sáu	C26TA	
29	2410130005	Tê Hoàng Như Ý	12/07/2006	<u>[Signature]</u>	4.2	Bốn, hai	C26TA	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 29

Số sinh viên đạt: 27

Ngày 27 tháng 4 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

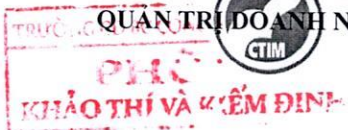
[Signature]

Ngày 5 tháng 4 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trần Thị Ngọc Thu



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Grammar 1 - MH1105024

Mã lớp học phần: 24211MH110502401 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 15.2.2025 Giờ thi: 10 giờ 30 Phòng thi: A1.11

Giám thị 1: Trương TN Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Duyên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410130014	Phạm Nguyễn Mỹ	Duyên	14/01/2006	C26TA	<u>kh</u>	5.0	Năm không	
2	2410130011	Võ Nguyễn Minh	Đạt	12/04/2006	C26TA	<u>Đạt</u>	8.0	Tám không	
3	2410130013	Trần Trung	Hiếu	24/01/2006	C26TA	<u>Hiếu</u>	8.0	Tám không	
4	2410130032	Huỳnh Gia	Huy	21/02/2006	C26TA	<u>Huy</u>	8.0	Tám không	
5	2410130030	Trần Tâm Hoàng	Huy	15/12/2004	C26TA	<u>Huy</u>	5.0	Năm không	
6	2410130033	Võ Khải	Huy	22/07/2006	C26TA	<u>Huy</u>	8.5	Tám năm	
7	2410130025	Huỳnh	Hương	19/03/2006	C26TA	<u>Hương</u>	5.0	Năm không	
8	2410130021	Đặng Phụng	Hỷ	03/07/2006	C26TA	<u>Hỷ</u>	5.0	Năm không	
9	2410130017	Đoàn Đặng Ngọc	Mỹ	02/06/2006	C26TA	<u>CM</u>	8.0	Tám không	
10	2410130034	Đặng Kim	Ngọc	15/04/2006	C26TA	<u>ĐK</u>	8.0	Tám không	
11	2410130022	Tô Hồng Trí	Nhân	22/07/2002	C26TA	<u>et</u>	6.0	Sáu không	
12	2410130018	Hồ Thị Kim	Oanh	03/06/2005	C26TA	<u>Oanh</u>	6.0	Sáu không	
13	2410130008	Trần Thiên	Phú	08/10/2004	C26TA	<u>phú</u>	5.0	Năm không	
14	2410130009	Phan Văn Trọng	Phúc	20/5/2004	C26TA	<u>Phúc</u>	8.0	Tám không	
15	2410130026	Nguyễn Ngọc Kim	Phượng	26/08/2006	C26TA	<u>Phượng</u>	5.0	Năm không	
16	2410130004	Quách Kim	Quỳnh	02/4/1999	C26TA	<u>Qu</u>	6.0	Sáu không	
17	2410130016	Lâm Quốc	Thịnh	02/10/2006	C26TA	<u>Thịnh</u>	8.0	Tám không	
18	2410130027	Võ Minh	Thông	14/12/2002	C26TA	<u>Thông</u>	6.0	Sáu không	
19	2410130020	Hoàng Thị	Thu	26/03/1996	C26TA	<u>Thu</u>	7.0	Bảy không	
20	2410130002	Trịnh Nam	Thuận	08/3/2003	C26TA	<u>Thuận</u>	5.0	Năm không	
21	2410130028	Nguyễn Phương	Thùy	06/01/2006	C26TA	<u>Thùy</u>	6.0	Sáu không	
22	2410130006	Nguyễn Lê Minh	Thư	08/08/2006	C26TA	<u>Thư</u>	5.0	Năm không	
23	2410130001	Phạm Thu	Thương	12/8/2005	C26TA	<u>Thương</u>	9.0	chín không	
24	2410130023	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	27/12/2006	C26TA	<u>Tiên</u>	6.0	Sáu không	
25	2410130003	Phạm Thị Thùy	Trang	27/10/1980	C26TA	<u>Trang</u>	6.0	Sáu không	
26	2410130035	Trần Thị Quế	Trân	07/01/2006	C26TA	<u>Trân</u>	6.5	Sáu năm	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410130012	Đoàn Thị Cẩm Tú	04/12/2006	C26TA	Tú	6.0	Sáu không	
28	2410130019	Phạm Huỳnh Tấn Việt	04/09/2006	C26TA	Việt	6.5	Sáu năm	
29	2410130005	Tê Hoàng Như Ý	12/07/2006	C26TA	như	6.0	Sáu không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 29 vắng thi: 0. Số bài thi: 29 / _____.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Ngày 18 tháng 2 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)





BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Grammar 1 - MH1105024

Mã lớp học phần: 24211MH110502401 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 13/02/2025 Giờ thi: 10 giờ 30 Phòng thi: A1.11

Giám thị 1: Trương TN Thu Ký tên: Trương TN Thu

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410130014	Phạm Nguyễn Mỹ	Duyên	14/01/2006	C26TA	<u>Mỹ</u>	5.0	Năm không	
2	2410130011	Võ Nguyễn Minh	Đạt	12/04/2006	C26TA	<u>Đạt</u>	8.0	Tám không	
3	2410130013	Trần Trung	Hiếu	24/01/2006	C26TA	<u>Hiếu</u>	8.0	Tám không	
4	2410130032	Huỳnh Gia	Huy	21/02/2006	C26TA	<u>Huy</u>	8.0	Tám không	
5	2410130030	Trần Tâm Hoàng	Huy	15/12/2004	C26TA	<u>Huy</u>	5.0	Năm không	
6	2410130033	Võ Khải	Huy	22/07/2006	C26TA	<u>Huy</u>	9.0	chín không	
7	2410130025	Huỳnh	Hương	19/03/2006	C26TA	<u>Hương</u>	5.0	Năm không	
8	2410130021	Đặng Phụng	Hỷ	03/07/2006	C26TA	<u>Hỷ</u>	5.5	Năm năm	
9	2410130017	Đoàn Đặng Ngọc	Mỹ	02/06/2006	C26TA	<u>Mỹ</u>	8.0	Tám không	
10	2410130034	Đặng Kim	Ngọc	15/04/2006	C26TA	<u>Ngọc</u>	9.0	chín không	
11	2410130022	Tô Hồng Trí	Nhân	22/07/2002	C26TA	<u>Nhân</u>	6.0	Sáu không	
12	2410130018	Hồ Thị Kim	Oanh	03/06/2005	C26TA	<u>Oanh</u>	5.0	Năm không	
13	2410130008	Trần Thiên	Phú	08/10/2004	C26TA	<u>Phú</u>	5.0	Năm không	
14	2410130009	Phan Văn Trọng	Phúc	20/5/2004	C26TA	<u>Phúc</u>	9.0	chín không	
15	2410130026	Nguyễn Ngọc Kim	Phượng	26/08/2006	C26TA	<u>Phượng</u>	6.0	Sáu không	
16	2410130004	Quách Kim	Quỳnh	02/4/1999	C26TA	<u>Quỳnh</u>	6.0	Sáu không	
17	2410130016	Lâm Quốc	Thịnh	02/10/2006	C26TA	<u>Thịnh</u>	8.5	Tám năm	
18	2410130027	Võ Minh	Thông	14/12/2002	C26TA	<u>Thông</u>	6.0	Sáu không	
19	2410130020	Hoàng Thị	Thu	26/03/1996	C26TA	<u>Thu</u>	6.0	Sáu không	
20	2410130002	Trịnh Nam	Thuận	08/3/2003	C26TA	<u>Thuận</u>	5.0	Năm không	
21	2410130028	Nguyễn Phương	Thùy	06/01/2006	C26TA	<u>Thùy</u>	6.0	Sáu không	
22	2410130006	Nguyễn Lê Minh	Thư	08/08/2006	C26TA	<u>Thư</u>	5.0	Năm không	
23	2410130001	Phạm Thu	Thương	12/8/2005	C26TA	<u>Thương</u>	8.5	Tám năm	
24	2410130023	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	27/12/2006	C26TA	<u>Tiên</u>	6.0	Sáu không	
25	2410130003	Phạm Thị Thùy	Trang	27/10/1980	C26TA	<u>Trang</u>	6.0	Sáu không	
26	2410130035	Trần Thị Quế	Trân	07/01/2006	C26TA	<u>Trân</u>	8.0	Tám không	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410130012	Đoàn Thị Cẩm Tú	04/12/2006	C26TA	<i>Tú</i>	8.0	Tám không	
28	2410130019	Phạm Huỳnh Tấn Việt	04/09/2006	C26TA	<i>Việt</i>	6.5	Sáu năm	
29	2410130005	Tê Hoàng Như Ý	12/07/2006	C26TA	<i>Ý</i>	5.0	Năm không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 29 vắng thi: 0 . Số bài thi: 29 / _____.

Ngày 10 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Đoàn Thị Cẩm Tú

Ngày 3 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Tương Thị Ngọc Thue



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

L2

Môn học : Grammar 1 - MH1105024

Mã lớp học phần: 24211MH110502401 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 15.2.2025 Giờ thi: 10 giờ 30 Phòng thi: A1.11

Giám thị 1: Trương Thị N. Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410130031	Lâm Quốc Huy	24/05/2006	C26TA	<u>Thu</u>	5.0	Năm thông	
2	2410130029	Lê Hoàng Nguyên	11/01/2006	C26TA	<u>Thu</u>	5.0	Năm thông	
3	2410130024	Thạch Vũ Tùng	10/07/2003	C26TA				

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 2 vắng thi: 1 . Số bài thi: 2 / 1 .

Ngày: 15 tháng 2 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 15 tháng 2 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Thu
Trương Thị Ngọc Thu



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Grammar 1 - MH1105024

Mã lớp học phần: 24211MH110502401 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 1.3.2025 Giờ thi: 10 giờ 30 Phòng thi: A1.11

Giám thị 1: Trương TN Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410130031	Lâm Quốc Huy	24/05/2006	C26TA	<u>Huy</u>	8.0	Tám không	
2	2410130029	Lê Hoàng Nguyên	11/01/2006	C26TA	<u>Nguyên</u>	5.0	Năm không	
3	2410130024	Thạch Vũ Tùng	10/07/2003	C26TA				

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 2 vắng thi: 1, Số bài thi: 2 / _____.Ngày 20 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 3 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu